TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HS-PT
Ngày: 04 - 3 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Công Bình

2. Bà Lê Thị Tùng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Anh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2020/TLPT-HS, ngày 09/01/2020 đối với bị cáo Nguyễn Hữu Thanh H về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 326/2019/HS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN HỮU THANH H** (Tên gọi khác: **Đ**), sinh ngày 06/9/1998, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Đường W, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Chiêm Thị Hồng H1, có vợ là Lê Thị Quỳnh G, sinh năm 1995; Có 01 con sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/7/2019 đến ngày 02/8/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại*:** Công an phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1983 - Vắng mặt.

Địa chỉ: phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện kế hoạch số 07/KH - CAP ngày 28/01/2019 của Công an phường L, thành phố B. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 15/7/2019, Công an phường L phối hợp với đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an thành phố B, kiểm tra nơi cư trú của anh Nguyễn Ngọc T1, địa chỉ: Đường Q, phường L, khi kiểm tra đã phát hiện 32 chiếc xe mô tô các loại, tại thời điểm kiểm tra anh T1 không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc 32 chiếc xe mô tô. Do vậy, Công an phường L lập biên bản tạm giữ 32 chiếc xe mô tô, đưa về trụ sở Công an phường L, để xác minh xử lý theo quy định của pháp luật, trong đó có xe mô tô hiệu Honda SH Mode màu đỏ, biển số 47B2-398.58, số máy: JF51E0657994, số khung: RLHJF5143GY126091, của chị Nguyễn Thị Minh H3.

Khoảng 19 giờ ngày 17/7/2019, Nguyễn Hữu Thanh H là tổ viên Tổ bảo vệ thuộc tổ dân phố M, phường L đến trụ sở Công an phường L, để trực bảo vệ dân phố (H không có nhiệm vụ trông coi, quản lý tang vật phương tiện của Công an phường Tân L tạm giữ). Đến khoảng 23 giờ cùng ngày H đi ra phía sau dãy nhà Công an phường L, thấy có nhiều xe mô tô (là tang vật tạm giữ hành chính không có biển số nhưng có chìa khóa gắn trên ổ khóa điện của xe mô tô. H thấy chiếc xe mô tô hiệu Honda SH Mode màu đỏ, không gắn biển số, số máy: JF51E0657994, số khung: RLHJF5143GY126091, của chị Nguyễn Thị Minh H3), lúc này không có ai trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô này bán lấy tiền trả nợ. H đi đến xe mô tô hiệu SH Mode, màu đỏ dắt bộ ra ngoài cổng trụ sở Công an phường L, nổ máy xe mô tô tẩu thoát về tiệm sửa xe mô tô H Vespa của bị cáo tại địa chỉ: Đường C, phường N, thành phố B, cất giữ.

Sau khi phát hiện bị trộm cắp xe mô tô tang vật, Công an phường L, làm báo cáo mất xe mô tô đến Cơ quan Cảnh sát thành phố Buôn Ma Thuột, để xử lý theo quy định của pháp luật. Ngày 24/7/2019 Cơ quan điều tra tiến hành khám xét tiệm sửa chữa mô tô, tại địa chỉ: Đường C, phường N, của H thì phát hiện xe mô tô hiệu Honda SH Mode màu đỏ, không gắn biển số, số máy: JF51E0657994, số khung: RLHJF5143GY126091 nên đã tạm giữ xe mô tô; Công an phường L bàn giao biển số 47B2-398.58, cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, để phục vụ công tác điều tra.

Kết quả tra cứu xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, kết luận: Xe mô tô hiệu Honda SH Mode màu đỏ (không gắn biển số), số máy: JF51E0657994, số khung: RLHJF5143GY126091, là tài sản của chị Nguyễn Thị Minh H3. Quá trình điều tra xác định: Khoảng tháng 6/2019 chị H3 với ông Võ Mai Quý H4 (sống với nhau như vợ chồng) xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, chị H3 bỏ về nhà bố mẹ ruột. Chị H3 để lại xe mô tô hiệu Honda SH Mode màu đỏ cho

anh H4 sử dụng. Ngày 05/7/2019 anh H4 có công việc tại thành phố Hồ Chí Minh nên có gửi xe mô tô Honda SH Mode màu đỏ, biển số 47 B2-398.58, số máy: JF51E0657994, số khung: RLHJF5143GY126091 cho anh Nguyễn Ngọc T1 giữ xe giúp vài ngày. Đến ngày 15/7/2019 Công an phường L, thành phố B, kiểm tra hành chính và đã tạm giữ xe mô tô.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 278/KLĐG ngày 16/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: Xe mô tô hiệu Honda SH Mode màu đỏ (không gắn biển số), số máy: JF51E0657994, số khung: RLHJF5143GY126091; Trị giá là: 53.000.000 đồng.

Ngày 02/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, ban hành quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô hiệu Honda SH Mode màu đỏ, biển số 47B2-398.58, số máy: JF51E0657994, số khung: RLHJF5143GY126091, cho chị H3 quản lý sử dụng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 326/2019/HS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Thanh H *(Tên gọi khác: Đ)* phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Hữu Thanh H *(Tên gọi khác: Đ)* 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 24/7/2019 đến ngày 02/8/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/12/2019 bị cáo Nguyễn Hữu Thanh H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Hữu Thanh H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng

cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì và chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Nguyễn Hữu Thanh H tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 17/7/2019 tại trụ sở Công an phường L, thành phố B, Nguyễn Hữu Thanh H đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc mô tô hiệu Honda SH Mode màu đỏ, biển số 47B2 - 398.58 của chị Nguyễn Thị Minh H3 trị giá 53.000.000 đồng do Công an phường L, thành phố B đang quản lý. Do đó, bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Thanh H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là thỏa đáng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ thường xuyên đau ốm, vợ bỏ đi và bị cáo phải nuôi con nhỏ đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta. Đối với kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự - Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu Thanh H, sửa bản án sơ thẩm số 326/2019/HS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt.

[2] Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Hữu Thanh H *(Tên gọi khác: Đ)* 02 (Hai) năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/7/2019 đến ngày 02/8/2019.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hữu Thanh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Những người TGTT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung